

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
ngày 18/02/2022
V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: bà La Thị Phương và ông Bế Ích Hòa

Thư ký phiên tòa: bà Mã Thư Viện - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà
Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
87/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc: “Yêu cầu ly hôn,
nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-
HNGĐ ngày 07/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hoàng Thị Đ**

2. Bị đơn: **Lương Văn M**

Cùng cư trú: xóm K, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.
Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Ngân hàng chính
sách xã hội huyện Quảng Hòa. Đại diện theo pháp luật: ông Đinh Phan Tuấn,
chức vụ giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn Hoàng Thị Đ trình
bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ kết hôn với anh Lương Văn
M trên cơ sở mai mối của gia đình, có tổ chức lễ cưới khi tôi chưa đủ 18 tuổi,
sau khi đủ tuổi kết hôn, chung tôi có đăng ký kết hôn ngày 09/06/2009 tại
UBND xã Phúc Sen. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu
thuẫn vì gia đình chồng hay so sánh, quát mắng khi không vừa ý hoặc khi không
nghe theo ý kiến của gia đình chồng. Do không chịu đựng được cho nên tháng
02 năm 2017 chị Đ đã sống ly thân. Đến tháng 4 năm 2021 chị Đ khởi kiện ly

hôn, nhưng được hòa giải nên đã rút đơn khởi kiện. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu ly hôn anh M.

[1.2] Về con chung: có 01 con chung tên là Lương A, sinh ngày 29/4/2009, hiện nay cháu đang ở với anh M. Sau khi ly hôn, anh M là người trực tiếp nuôi con, chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng 800.000,đ/ tháng.

[1.3] Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Chị Đ biết anh M nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Quảng Hòa 50.000.000,đ (năm mươi triệu đồng), vì vậy anh M tự trả nợ.

[2] Đối với bị đơn: Trong quá trình tham gia tố tụng đã nêu ý kiến:

- Về tình cảm: Vợ chồng mẫu thuẫn nên đã sống ly thân, không quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc, cho nên anh Minh nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Lương A, sinh ngày 29/4/2009, hiện nay cháu đang ở với anh M. Sau khi ly hôn, chị Đ là người trực tiếp nuôi con, anh M không cấp dưỡng vì anh M đã nuôi cháu từ nhỏ đến nay.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ 50.000.000,đ (năm mươi triệu đồng) ở Ngân hàng chính sách xã hội huyện Quảng Hòa anh M tự trả nợ khi đáo hạn.

[3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xác nhận anh Lương Văn M có món nợ 50 triệu đồng nhưng chưa đáo hạn. Đã tham gia chứng kiến và nhất trí với sự thỏa thuận của các đương sự tại buổi hòa giải về việc anh M tự trả nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Tại phiên tòa hôm nay:

[4.1] Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, không có ý kiến gì thêm.

[4.2] Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Nguyên đơn và bị đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, gia đình mẫu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Diễm là có căn cứ. Về con chung: xét thấy cháu Lương A hiện nay đang sinh sống ổn định cùng với anh M, còn chị Đ đang làm việc và trợ ở Thái Nguyên mặc dù có thu nhập nhưng không có nhà và điều kiện thuận lợi để trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, vì vậy chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và với nguyện vọng của cháu A. Về khoản nợ 50 triệu đồng ở Ngân hàng chính sách xã hội - chi nhánh huyện Quảng Hòa: anh M và chị Đ đã thỏa thuận và được sự đồng ý của Ngân hàng tại buổi hòa giải về việc anh M sẽ tự trả khoản nợ đó cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, việc thỏa thuận

đó không trái quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ kết hôn với anh Lương Văn M trên cơ sở mai mối của gia đình, có tổ chức lễ cưới khi tôi chưa đủ 18 tuổi, sau khi đủ tuổi kết hôn, chung tôi có đăng ký kết hôn ngày 09/06/2009 tại UBND xã Phúc Sen. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lương A đang sinh sống ổn định với anh Lương Văn M và đang học lớp 7 trường THCS Phúc Sen, còn chị Đ đang là công nhân làm việc và ở trọ tại Thái Nguyên. Vì vậy anh M có nhà và điều kiện thuận lợi để trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, còn chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và với nguyện vọng của cháu A là được sống chung với bố (Lương Văn M). Mức cấp dưỡng thì căn cứ vào thu nhập bình quân của chị Đ và chi phí sinh hoạt hàng tháng của cháu A để quyết định cho hợp lý.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ 50 triệu đồng ở Ngân hàng chính sách xã hội - chi nhánh huyện Quảng Hòa: Do chưa đáo hạn cho nên Ngân hàng đồng ý cho anh M và chị Đ thỏa thuận tại buổi hòa giải về việc anh M sẽ tự trả khoản nợ đó cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, xét thấy việc thỏa thuận đó không trái quy định của pháp luật, cần được ghi nhận trong bản án, các đương sự không phải chịu án phí đối với việc ghi nhận này.

[4] Về án phí: Nguyên đơn thuộc đối tượng được miễn nộp tạm án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Hoàng Thị Đ đối với bị đơn Lương Văn M.

[2] Về con chung: Giao cháu Lương A, sinh ngày 29/4/2009 cho anh Lương Văn M là người trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị Hoàng Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000,đ (một triệu đồng) /tháng (cấp dưỡng hàng tháng) cho đến khi cháu Lương A đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Hoàng Thị Đ và anh Lương Văn M về việc anh Minh sẽ có trách nhiệm tự trả nợ 50.000.000,đ (năm mươi triệu đồng) cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện Quảng Hòa khi món nợ đến hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Hoàng Thị Đ thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự không phải chịu án phí đối với việc ghi nhận nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Phúc Sen;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp